# PHẦN MỘT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

## BÀI 1: SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (6 câu)

**Câu 1:** Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người) dùng để:

A. So sánh mức sống của dân cư ở các nước khác nhau

B. So sánh mức sống của dân cư ở các vùng khác nhau trong một nước

C. Chỉ ra tương quan giữa thu nhập của người dân và trình độ văn hoá

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người) có ý nghĩa phản ánh:

A. Mức độ ảnh hưởng của tư bản tài chính ở một quốc gia và giữa các quốc gia

B. Sự hiện thực hoá tri thức vào nền kinh tế, cho thấy tốc độ phát triển của một quốc gia.

C. Trình độ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của mỗi người dân ở từng quốc gia

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Ngân hàng Thế giới (WB) thống kê các nền kinh tế theo 4 nhóm thu nhập, đó là:

A. Thu nhập rất cao, thu nhập cao, thu nhập thấp và thu nhập rất thấp.

B. Thu nhập cao, thu nhập trung bình cao, thu nhập trung bình thấp và thu nhập thấp

C. Thu nhập tiền tỉ, thu nhập tiền triệu, thu nhập tiền trăm ngàn, thu nhập tiền ngàn.

D. Thu nhập hấp dẫn, thu nhập không hấp dẫn, thu nhập tăng, thu nhập giảm.

**Câu 4:** Cơ cấu ngành kinh tế phản ánh:

A. Trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

B. Trình độ chuyển đổi hệ thống các ngành nghề của một nước

C. Tốc độ phát triển ở trình độ cao của một nước.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:** Dựa vào tính chất của hoạt động sản xuất, cơ cấu ngành kinh tế chia thành 3 nhóm. Đâu **không** phải một trong các nhóm đó?

A. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

B. Công nghệ thông tin

C. Công nghiệp, xây dựng

D. Dịch vụ

**Câu 6:** Theo tiêu chí phân nhóm nước của Liên hợp quốc năm 2020, nhóm nước có mức thu nhập (USD/người) là bao nhiêu thì được coi là nhóm nước có thu nhập cao?

A. Từ 4046 đến 12535

D. Trên 12535

C. Trên 25758

D. Trên 50000

### 2. THÔNG HIỂU (7 câu)

**Câu 1:** Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (USD/người) của Indonesia năm 2021 là bao nhiêu?

A. 43580

B. 39830

C. 3870

D. 890

**Câu 2:** Chỉ số phát triển con người (HDI) của Ethiopia năm 2021 là bao nhiêu?

A. 0.931

B. 0.924

C. 0.710

D. 0.498

**Câu 3:** Nhóm *“Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản”* ở Canada chiếm bao nhiêu % GDP vào năm 2021?

A. 1.7 %

B. 13.7 %

C. 35.5 %

D. 60.0 %

**Câu 4:** Nhóm *“Dịch vụ”* ở Anh chiếm bao nhiêu % GDP vào năm 2021?

A. 20.5 %

B. 36.8 %

C. 44.4 %

D. 72.8 %

**Câu 5:** Cơ cấu giá trị thương mại của nhóm các nước phát triển năm 2020 so với toàn thế giới là bao nhiêu?

A. 25 %

B. 41.3 %

C. 58.7 %

D. 90.7%

**Câu 6:** Đâu là cơ cấu dân số (%) của Canada năm 2020? (từ 0 đến 14 tuổi – từ 15 đến 64 tuổi – từ 65 tuổi trở lên)

A. 7.8 – 70.1 – 22.1

B. 15.8 – 66.1 – 18.1

C. 25.9 – 67.8 – 6.3

D. 39.9 – 56.6 – 3.5

**Câu 7:** Tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân của Ethiopia năm 2020 là bao nhiêu?

A. 81.6 %

B. 83.9 %

C. 56.6 %

D. 21.7 %

### 3. VẬN DỤNG (5 câu)

**Câu 1:** Câu nào sau đây **không** đúng về chỉ số phát triển con người (HDI)?

A. HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện sức khoẻ, giáo dục và thu nhập.

B. HDI thể hiện góc nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia.

C. HDI nhận giá trị từ 0 đến 10.

D. HDI càng gần 1 có nghĩa là chất lượng cuộc sống cao và ngược lại.

**Câu 2:** Câu nào sau đây là đúng?

A. Các nước phát triển có GNI/người cao, HDI ở mức cao trở lên thì cơ cấu kinh tế phân theo ngành ở khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản thường có tỉ trọng thấp nhất, khu vực dịch vụ có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành kinh tế.

B. Đa số các nước đang phát triển có GNI/người ở mức trung bình cao, trung bình thấp và thấp; HDI ở mức cao, trung bình và thấp

C. Trong cơ cấu ngành kinh tế của đa số các nước đang phát triển, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản; công nghiệp, xây dựng chiếm tỉ trọng cao hơn khu vực dịch vụ.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Câu nào sau đây **không** đúng về các nước phát triển?

A. Các nước phát triển có đóng góp lớn vào quy mô GDP toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ổn định.

B. Một số nền kinh tế có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế gần như đạt đến ngưỡng giới hạn.

C. Nền kinh tế đang chuyển từ kinh tế tri thức sang kinh tế năng lượng và công nghệ.

D. Trình độ phát triển kinh tế cao, các ngành có hàm lượng khoa học – công nghệ chiếm tỉ trọng lớn trong sản xuất và thương mại.

**Câu 4:** Câu nào sau đây **không** đúng về các nước đang phát triển?

A. Phần lớn các nước đang phát triển có quy mô GDP chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu GDP toàn cầu (trừ Trung Quốc, Ấn Độ,...).

B. Nhiều quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

C. Trong cơ cấu ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng chưa cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu, lao động còn chiếm tỉ trọng lớn.

D. Một số nước đang phát triển như Việt Nam, Cuba, Triều Tiên là trung tâm tài chính toàn cầu, có hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới.

**Câu 5:** Câu nào sau đây **không** đúng về các chỉ số của Việt Nam?

A. GDP ước tính năm 2022 là 4080.9 tỉ USD

B. Thu nhập bình quân đầu người ước tính năm 2022 là 4122 USD

C. Chỉ số Gini năm 2018 là 35.7

D. Chỉ số HDI năm 2021 là 0.703

### 4. VẬN DỤNG CAO (2 câu)

**Câu 1:** Câu nào sau đây **không** đúng về các nước phát triển?

A. Các nước phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số thấp, tuổi thọ trung bình cao, nhiều nước có cơ cấu dân số già.

B. Quá trình nông thôn hiện đại hoá diễn ra sớm và trình độ dân trí cao, dân nông thôn dần chiếm tỉ trọng cao trong tổng số dân, nhiều nước lên đến hơn 60% tổng số dân.

C. Ngành giáo dục, y tế rất phát triển.

D. Già hoá dân số dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động, giá nhân công cao ở các nước phát triển.

**Câu 2:** Câu nào sau đây **không** đúng về các nước đang phát triển?

A. Các nước đang phát triển có quy mô dân số vẫn còn tăng chậm, cơ cấu dân số theo tuổi có sự thay đổi đáng kể, nhiều quốc gia có dân số đang trẻ ra.

B. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp so với các nước phát triển nhưng xu hướng tăng lên nhanh chóng.

C. Giáo dục, y tế ở nhiều quốc gia đã được cải thiện.

D. Các nước đang phát triển có chất lượng cuộc sống chưa cao; một số quốc gia đối mặt với nạn đói, dịch bệnh, xung đột vũ trang, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt nguồn tài nguyên.

## B. ĐÁP ÁN

**1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. C | 3. B | 4. A | 5. B |
| 6. D |  |  |  |  |

**2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. A | 4. D | 5. C |
| 6. B | 7. D |  |  |  |

**3. VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. C | 4. D | 5. A |

**4. VẬN DỤNG CAO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. B | 2. A |  |  |  |